

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/12/2025

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mạc Văn Mùa

2. Ông Nguyễn Đức Trọng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 320/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh ngày 22/01/1982.

Căn cước công dân: 0301820211190.

Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh ngày 25/5/1980.

Căn cước công dân: 030080016112.

Đều trú tại: Thôn N, xã H, thành phố Hải Phòng.

(Chị T và anh H đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin giải quyết vắng mặt chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn H đã có thời gian tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 05 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Hải Phòng). Quá trình chung sống hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau. Hiện nay vợ chồng đã ly thân, mỗi người một nơi và đều có cuộc sống riêng, không ai quan

tâm đến ai. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Hoài N, sinh ngày 14/10/2003 và Phạm Bùi Việt H1, sinh ngày 12/02/2006. Hiện nay các con đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Phạm Văn H trình bày:

Anh và chị Bùi Thị T đã có thời gian tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 05 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Hải Phòng). Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2010, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Hoài N, sinh ngày 14/10/2003 và Phạm Bùi Việt H1, sinh ngày 12/02/2006. Hiện nay các con đều trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn, bị đơn có quan điểm đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Bùi Thị T ly hôn với anh Phạm Văn H. Về con chung, về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Bùi Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Phạm Văn H. Anh H cư trú tại thôn N, xã H, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.

[1.2] Tại phiên tòa chị T, anh H có đơn giải quyết xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn H đã có thời

gian tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 05 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Hải Phòng) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Chị T và anh H đều xác định không còn tình cảm với nhau và nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về con chung, tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Bùi Thị T. Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005067 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H (chị T đã nộp xong).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 – Hải Phòng;
- UBND xã Hà Bắc, TP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tú